

Số: 31 /2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Sơn La;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Việt



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và
đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước
thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La quy định tại khoản 7 Điều 10; khoản 11 Điều 11; khoản 8 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 8 Điều 16; khoản 5 Điều 17; khoản 7 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 3 Điều 23; khoản 3 Điều 37; khoản 2 Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

2. Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ quan thực hiện nhiệm vụ; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tăng cường phân cấp trong quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đảm bảo rõ người, rõ trách nhiệm, rõ thời gian thực hiện; mỗi việc chỉ giao cho 01 đơn vị chủ trì; đảm bảo công khai, minh bạch, rõ ràng.

2. Phát huy trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (*sau đây viết tắt là cơ quan chuyên môn*) trong việc triển khai thực hiện thủ tục xét đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

3. Rút ngắn thời gian thực hiện các khâu trong quy trình xét duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm thời gian giải quyết mỗi thủ tục hành chính không quá 80 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Những nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Thông tư số 36/2025/TT-BKH-CN và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương II

NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

THÔNG BÁO KẾ HOẠCH ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 4. Trình tự đặt hàng và thông báo kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo định hướng nghiên cứu nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trước ngày 15/7 hàng năm hoặc đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thông báo định hướng nghiên cứu nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc các phương tiện thông tin đại chúng phù hợp trong thời gian 15 ngày làm việc.

3. Căn cứ Thông báo định hướng nghiên cứu nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; doanh nghiệp và các tổ chức khoa học công nghệ (*sau đây gọi tắt là tổ chức đặt hàng*) xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Tổ chức đặt hàng gửi đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

5. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định sơ bộ nội dung gửi đặt hàng; rà soát, tra cứu thông tin nhiệm vụ; xin ý kiến các sở, ngành chuyên môn đối với nội dung đặt hàng trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

6. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*sau đây gọi tắt là Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng*). Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận nội dung gửi đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng. Thành phần Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng có từ 7 đến 9 thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành và các chuyên gia thuộc lĩnh vực liên quan (trong đó bao gồm: Tổ trưởng; Tổ phó; thư ký; chuyên gia phản biện và các thành viên khác).

7. Trong thời gian 05 ngày làm việc: Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng có nhiệm vụ rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với từng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc xác định mức trần kinh phí dự kiến dựa trên nguyên tắc sau: khả năng cân đối kinh phí quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và dự kiến kết quả, hiệu quả, tác động của nhiệm vụ. Trường hợp nội dung gửi đặt hàng cần chỉnh sửa, bổ sung, Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng gửi văn bản tham gia ý kiến đến Tổ chức đặt hàng.

8. Trong thời gian 05 ngày làm việc: Tổ chức đặt hàng chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung gửi đặt hàng theo ý kiến tham gia của Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng; gửi hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ (*gồm báo cáo giải trình và nội dung gửi đặt hàng nhiệm vụ đã tiếp thu, chỉnh sửa*).

9. Trong thời gian 03 ngày làm việc: Sở Khoa học và Công nghệ rà soát việc tiếp thu ý kiến của các tổ chức đặt hàng đối với các ý kiến Tổ chuyên gia tư vấn đặt hàng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

10. Trong thời gian 20 ngày làm việc: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

11. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ Thông báo kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc các phương tiện thông tin đại chúng phù hợp. Thời gian công bố trong 15 ngày làm việc để các tổ chức, cá nhân chuẩn bị, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.

12. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xét giao trực tiếp nhiệm vụ trong các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Mục 2

XÉT ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 5. Hồ sơ đăng ký xét đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức đăng ký xét đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*sau đây gọi tắt là tổ chức đề xuất*) nộp hồ sơ đăng ký xét đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

2. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Thời hạn tiếp nhận và xử lý hồ sơ được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Điều 6. Hội đồng xét đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng xét đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*sau đây gọi tắt là Hội đồng*). Thành phần Hội đồng có từ 9 đến 11 thành viên, gồm đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành liên quan và các chuyên gia thuộc các lĩnh vực. Bộ phận tham mưu thường trực cho Hội đồng là Phòng Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ. Điều kiện, nhiệm vụ, trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Thư ký Hội đồng gửi tài liệu họp đến các thành viên Hội đồng trước 05 ngày làm việc.

3. Tổ chức phiên họp của Hội đồng:

a) Thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu đại biểu tham dự.

b) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt điều hành phiên họp, thông qua chương trình làm việc, bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên thuộc Hội đồng, trong đó có 01 trưởng ban.

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức đăng ký chủ trì trình bày tóm tắt trước Hội đồng về hồ sơ đăng ký xét đặt hàng.

d) Các chuyên gia phản biện trình bày nhận xét của mình; thư ký đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có). Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá từng hồ sơ và so sánh các hồ sơ đăng ký của cùng một nhiệm vụ (trường hợp có nhiều hồ sơ đăng ký xét đặt hàng).

đ) Các thành viên Hội đồng đánh giá, chấm điểm từng hồ sơ.

e) Ban kiểm phiếu tổng hợp phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng; lập bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ theo tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp và công bố kết quả kiểm phiếu tại phiên họp.

g) Thư ký lập Biên bản họp Hội đồng.

h) Hội đồng thông qua biên bản làm việc.

4. Phân cấp Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp của Hội đồng.

5. Tổ chức đề xuất xem xét tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng, bổ sung dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ không quá 05 trang và gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm Sở Khoa học và Công nghệ ban hành thông báo kết quả họp Hội đồng.

6. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện rà soát việc tiếp thu ý kiến của Hội đồng xét đặt hàng trong 06 ngày làm việc để tổ chức thẩm định kinh phí.

Điều 7. Thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định kinh phí (*sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định*) và tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định có từ 5 đến 7 thành viên, bao gồm: Tổ trưởng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng; đại diện phòng chuyên môn của Sở Tài chính; 01 thành viên là lãnh đạo phòng chuyên môn của sở ngành liên quan đến nội dung nhiệm vụ khoa học công nghệ; 01 chuyên gia phản biện của Hội đồng; thư ký Tổ thẩm định; 01 chuyên viên tài chính ngân sách của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Tổ thẩm định có nhiệm vụ rà soát định mức chi, sự phù hợp với nội dung công việc và chi phí khác theo quy định hiện hành. Tổ thẩm định lập biên bản thẩm định kinh phí, trong đó có tổng kinh phí thực hiện, kinh phí cho các mục chi, kinh phí khoán, kinh phí không khoán.

3. Thư ký Tổ thẩm định gửi tài liệu họp đến các thành viên Tổ thẩm định trước 05 ngày làm việc.

4. Trình tự làm việc của Tổ thẩm định

a) Thư ký công bố quyết định thành lập Tổ thẩm định, giới thiệu đại biểu tham dự.

b) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp và thông qua chương trình làm việc.

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì báo cáo về nội dung và kinh phí nhiệm vụ; trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định; Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì không tiếp tục tham dự phiên họp của Tổ thẩm định sau khi đã báo cáo và trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định.

d) Thành viên Tổ thẩm định cho ý kiến thẩm định; thảo luận về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định.

đ) Trước khi Tổ thẩm định kinh phí có ý kiến kết luận, chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì được mời tiếp tục tham dự cuộc họp của Tổ thẩm định để nghe thông báo về dự kiến kết luận của Tổ thẩm định. Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc đại diện tổ chức chủ trì có quyền nêu ý kiến giải trình, làm rõ trước khi Tổ thẩm định kết luận chính thức;

e) Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định.

5. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất trong thời gian tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định kinh phí. Tổ chức đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán kinh phí và gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận thông báo.

6. Sở Khoa học và Công nghệ rà soát dự toán kinh phí đã chỉnh sửa; tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong 07 ngày làm việc.

Điều 8. Phê duyệt và công khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ công khai kết quả phê duyệt trên cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Ký hợp đồng giao nhiệm vụ

Phân cấp cho cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ với tổ chức chủ trì trong thời gian 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Biểu mẫu quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ TRONG KỲ, CẤP TIẾP KINH PHÍ, ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG GIAO NHIỆM VỤ VÀ CHẤM DỨT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 10. Đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí thực hiện nhiệm vụ

Phân cấp cho cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện đánh giá trong kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

1. Nội dung đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ và biểu mẫu đánh giá thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

3. Trình tự đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 11. Thẩm quyền, nội dung, hồ sơ, biểu mẫu điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ

1. Phân cấp cho cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện điều chỉnh hợp đồng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN (*trừ nội dung ban hành Quyết định điều chỉnh Quyết định phê duyệt nhiệm vụ tại điểm d khoản 1 Điều 12 Quy định này*).

2. Nội dung điều chỉnh thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Hồ sơ, biểu mẫu thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN.

Điều 12. Trình tự điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ

1. Trường hợp điều chỉnh các nội dung trong quyết định phê duyệt nhiệm vụ

a) Tổ chức chủ trì gửi văn bản đề xuất điều chỉnh theo Biểu mẫu BM-21 Phụ lục Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN và hồ sơ liên quan (nếu có) đến cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ.

b) Trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất điều chỉnh, cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ tổ chức lấy ý kiến chuyên gia hoặc hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến bằng văn bản các bên liên quan (nếu cần).

c) Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ gửi văn bản đề xuất điều chỉnh hợp đồng về Sở Khoa học và Công nghệ. Trong thời hạn 03 ngày Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thời hạn 03 ngày.

d) Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ trong 03 ngày.

2. Trường hợp không điều chỉnh các nội dung trong quyết định phê duyệt nhiệm vụ

a) Tổ chức chủ trì gửi văn bản đề xuất điều chỉnh theo Biểu mẫu BM-21 Phụ lục Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN và hồ sơ liên quan (nếu có) đến cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ.

b) Trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất điều chỉnh, cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ tổ chức lấy ý kiến chuyên gia hoặc hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến bằng văn bản các bên liên quan (nếu cần thiết).

c) Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ ban hành văn bản điều chỉnh sửa đổi, bổ sung và thực hiện điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ trong thời hạn 03 ngày.

Điều 13. Chấm dứt hợp đồng nhiệm vụ trong quá trình triển khai

1. Phân cấp cho cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện chấm dứt hợp đồng trong quá trình triển khai theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp tổ chức chủ trì đề nghị:

a) Tổ chức chủ trì lập hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ kèm theo công văn đề nghị theo Biểu mẫu BM-24 Phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN gửi đến cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì, cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ gửi văn bản thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ đến tổ chức chủ trì. Sau khi nhận được văn bản thông báo tạm dừng, tổ chức chủ trì phải ngừng toàn bộ các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ.

c) Trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

d) Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ trình xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong thời hạn 03 ngày làm việc, đồng thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi tổng hợp.

đ) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản cho ý kiến về việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ.

e) Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ ban hành Quyết định về việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-25 Phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN và tiến hành thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN trong 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ.

4. Trình tự, thủ tục chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ chủ động chấm dứt

a) Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ gửi văn bản đến tổ chức chủ trì, trong đó nêu rõ căn cứ, lý do, các tài liệu chứng minh việc cần chấm dứt nhiệm vụ.

b) Sau khi nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ, tổ chức chủ trì phải ngừng toàn bộ các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ và trong thời hạn 15 ngày, tổ chức chủ trì nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 17 của Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

d) Trường hợp tổ chức chủ trì không cung cấp hồ sơ theo quy định, cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện việc xem xét, đánh giá và kết luận trên cơ sở hồ sơ hiện có trong thời gian 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản. Việc tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 4 Điều 17 của Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

đ) Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ trình xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong thời hạn 03 ngày làm việc, đồng thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi tổng hợp.

e) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản cho ý kiến về việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ.

g) Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ ban hành Quyết định về việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-25 Phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN và tiến hành thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU RA CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 14. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Phân cấp cho cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tiêu chí đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Trình tự đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tổ chức chủ trì chuẩn bị hồ sơ đánh giá và gửi đến cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị đánh giá cuối kỳ hoặc hết thời gian bổ sung hồ sơ (nếu có), cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện thủ tục đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thành lập Tổ chuyên gia hoặc thuê chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn để đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Tổ chuyên gia).

d) Các thành viên Tổ chuyên gia đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm phiếu tổng hợp phiếu đánh giá của các thành viên.

đ) Thư ký Tổ chuyên gia ghi chép các ý kiến thảo luận tại phiên họp, lập biên bản họp và thông qua tại cuộc họp.

e) Kết quả đánh giá được lập thành báo cáo đánh giá theo mẫu BM-23 Phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN. Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về kết quả đánh giá và báo cáo đánh giá cho tổ chức chủ trì và cập nhật trên cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. Văn bản thông báo được gửi cho tổ chức chủ trì trong thời gian không quá 45 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đánh giá cuối kỳ hợp lệ.

Điều 15. Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. Phân cấp cho cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện việc đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp kết quả đánh giá.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả đánh giá tác động theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ

Phân cấp cho cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và khoản 4, khoản 5 Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2026/TT-BKHCN.

Chương III

**CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Điều 17. Xây dựng, tổ chức triển khai, báo cáo kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, tổ chức triển khai, báo cáo kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và điểm a, b, c, d khoản 6 Điều 3 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Chương IV

**QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 18. Quản trị rủi ro đối với nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Phân cấp cho cơ quan chuyên môn ký hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện quản trị rủi ro đối với nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 19. Quản trị rủi ro trong việc xét đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện quản trị rủi ro trong việc xét đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

2. Khi văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành**1. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Chủ trì tham mưu, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện quyết định này, định kỳ tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, nghiên cứu, đề nghị sửa đổi, bổ sung./.